UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14763/SYT-NVY	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2026*
V/v khẩn trương triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm soát, phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue	

Kính gửi:
- UBND các xã, phường;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố;
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Hiện nay, tình hình bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang diễn biến hết sức phức tạp, số ca mắc và ổ dịch gia tăng nhanh. Trong tuần từ ngày 19/10/2026 đến ngày 25/10/2026, toàn thành phố ghi nhận 720 ca mắc SXHD, tương ứng 23,5 ca/100.000 dân[1]. Cộng dồn từ đầu năm đến ngày 25/10/2026, ghi nhận 6.338 ca mắc, tương ứng 206,7 ca/100.000 dân[2], tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2025; ghi nhận 464 ổ dịch nhỏ, tăng 4,3 lần so với cùng kỳ năm 2025[3].

(Chi tiết tình hình SXHD tại 93 xã, phường trên địa bàn thành phố tại Phụ lục đính kèm)

Thành phố đang trong mùa mưa, nguy cơ gia tăng mật độ muỗi truyền bệnh và bùng phát dịch SXHD trên diện rộng rất lớn. Tuy nhiên, tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị, hoạt động phòng, chống dịch chưa được duy trì thường xuyên; việc huy động người dân tham gia còn hạn chế; các đợt ra quân chủ yếu tập trung vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, chưa chú trọng tìm kiếm, loại bỏ nơi sinh sản của muỗi và diệt lăng quăng, bọ gậy. Nhiều dụng cụ chứa nước, lốp xe cũ, vật phế thải tại hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, công trình xây dựng và các địa điểm công cộng chưa được kiểm soát, xử lý hiệu quả.

Để khẩn trương kiểm soát tình hình dịch bệnh, hạn chế số ca mắc, trường hợp bệnh nặng và tử vong do SXHD, Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa

---

[1] trong tuần, cứ 100.000 người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 23,5 người mắc SXHD.

[2] cộng dồn năm 2026, cứ 100.000 người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 206,7 người mắc SXHD.

[3] Thành phố Đà Nẵng nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có số ca mắc SXHD/100.000 người dân cao nhất cả nước, cùng với Thành phố Hồ Chí Minh (khoảng 36.900 ca), thành phố Đồng Nai (khoảng 21.700 ca), tỉnh Tây Ninh (khoảng 14.400 ca), tỉnh Đắk Lắk (khoảng 11.600 ca), tỉnh Gia Lai (khoảng 9.830 ca), tỉnh An Giang (khoảng 9.400 ca), tỉnh Đồng Tháp (khoảng 9.150 ca), tỉnh Vĩnh Long (khoảng 7.560 ca), thành phố Cần Thơ (khoảng 7.210 ca), Thành phố Hà Nội (khoảng 5.289 ca).

phương; yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở Y tế khẩn trương triển khai quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên các biện pháp phòng, chống SXHD, tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Các biện pháp chung đối với tất cả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác phòng, chống SXHD trong phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát, không để trụ sở, cơ sở làm việc, khuôn viên và các địa điểm thuộc phạm vi quản lý trở thành nơi sinh sản, phát triển của muỗi truyền bệnh.

b) Tổ chức kiểm tra, tìm kiếm, loại bỏ nơi chứa nước, nơi sinh sản của muỗi và diệt lăng quăng, bọ gậy tại phòng làm việc, khuôn viên, nhà vệ sinh, kho bãi, sân thượng, mái nhà, mái che, khu vực cây xanh và các vị trí có nguy cơ đọng nước; đặc biệt là lốp xe cũ, thùng xốp, xô, chậu, lọ hoa, chậu cây cảnh, khay nước, vật phế thải và các dụng cụ chứa nước khác. Thực hiện thu gom, loại bỏ, lật úp, che đậy kín hoặc xử lý theo hướng dẫn chuyên môn; duy trì kiểm tra thường xuyên, nhất là sau các đợt mưa.

c) Tuyên truyền, vận động toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và gia đình chủ động dành 10–15 phút mỗi ngày kiểm tra, loại bỏ nơi nước đọng, diệt lăng quăng, bọ gậy trong nhà, quanh nhà; thực hiện các biện pháp phòng tránh muỗi đốt, theo dõi sức khỏe, đến cơ sở y tế khám kịp thời khi có biểu hiện nghi mắc SXHD, đặc biệt khi xuất hiện dấu hiệu cảnh báo.

d) Tích cực tham gia các chiến dịch diệt lăng quăng, bọ gậy do chính quyền địa phương tổ chức; phối hợp với cơ quan y tế trong giám sát, điều tra véc tơ, xử lý ổ dịch.

2. Đề nghị UBND các xã, phường

a) Chỉ đạo Trạm Y tế chủ động theo dõi, phân tích tình hình ca bệnh, ổ dịch, điều tra véc tơ, xác định các thôn, tổ dân phố, khu dân cư có nguy cơ cao; thường xuyên báo cáo, tham mưu UBND địa phương huy động lực lượng, tổ chức các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp. Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố và các đơn vị liên quan điều tra, xử lý kịp thời, đúng quy trình các ca bệnh đơn lẻ, ổ dịch SXHD theo Quyết định số 1114/QĐ-SYT ngày 22/6/2026 của Sở Y tế; giám sát, đánh giá hiệu quả sau xử lý.

b) Chỉ đạo các phòng, ban, đoàn thể, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, lực lượng tại cộng đồng phối hợp với Trạm Y tế tổ chức các chiến dịch diệt lăng quăng, bọ gậy trên toàn địa bàn; ưu tiên các khu vực có số ca mắc tăng cao, có ổ dịch hoặc chỉ số véc tơ cao. Căn cứ kết quả điều tra véc tơ và đánh giá nguy cơ của ngành Y tế, duy trì hoạt động theo 03 mức độ: 01 tuần/01 lần: tại các khu vực có nguy cơ cao; 02 tuần/01 lần: tại các khu vực có chỉ số muỗi, lăng quăng, bọ gậy cao; 01 tháng/01 lần: tại các khu vực còn lại.

Đối với khu vực có ổ dịch, tổ chức xử lý ngay theo quy trình chuyên môn, không chờ đến kỳ triển khai định kỳ.

c) Rà soát, lập danh sách, kiểm tra các địa điểm nguy cơ như điểm tập kết lốp xe, phế liệu, kho bãi, khu nhà trọ, nhà bỏ hoang, khu đất trống, công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, cơ sở thờ tự tôn giáo và các địa điểm công cộng; yêu cầu chủ cơ sở, người quản lý chủ động loại bỏ nơi sinh sản của muỗi, duy trì thường xuyên, nhất là sau các đợt mưa. Chỉ đạo xử lý các trường hợp không phối hợp hoặc không thực hiện biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

d) Tăng cường truyền thông trực tiếp đến từng hộ gia đình, huy động các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, lực lượng tại cộng đồng tham gia; tổ chức kiểm tra, giám sát thực tế, đánh giá hiệu quả bằng kết quả xử lý dụng cụ chứa nước, hộ gia đình, địa điểm nguy cơ và các chỉ số véc tơ, không chỉ căn cứ vào số lượt ra quân hoặc số người tham gia.

3. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra, tìm kiếm, loại bỏ nơi chứa nước, nơi sinh sản của muỗi và diệt lăng quăng, bọ gậy tại lớp học, sân trường, khuôn viên, khu nội trú, ký túc xá và các khu vực thuộc phạm vi quản lý; duy trì thường xuyên, nhất là sau các đợt mưa. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, học sinh, sinh viên, phụ huynh thực hiện các biện pháp phòng, chống SXHD tại trường học, gia đình và cộng đồng; phối hợp với Trạm Y tế, chính quyền địa phương trong giám sát, phát hiện, thông tin kịp thời trường hợp nghi mắc hoặc mắc SXHD để xử lý theo quy định.

4. Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền thường xuyên về tình hình dịch bệnh, nguy cơ mắc SXHD, các biện pháp phòng, chống; chú trọng hướng dẫn người dân nhận diện, tìm kiếm, loại bỏ nơi nước đọng, nơi sinh sản của muỗi và diệt lăng quăng, bọ gậy tại hộ gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phối hợp với ngành Y tế đẩy mạnh truyền thông trên báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở, nền tảng số, mạng xã hội; hướng dẫn người dân nhận biết dấu hiệu cảnh báo của SXHD, đến cơ sở y tế khám, điều trị kịp thời; vận động duy trì các biện pháp phòng bệnh thường xuyên, không chỉ trong các đợt ra quân.

5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố

a) Tăng cường giám sát, phân tích diễn biến dịch bệnh, ca bệnh, ổ dịch và các chỉ số véc tơ; xác định, lập danh sách, bản đồ các địa bàn trọng điểm, khu vực có nguy cơ cao; cung cấp kịp thời, đầy đủ số liệu ca bệnh, ổ dịch, kết quả điều tra véc tơ và khuyến nghị chuyên môn cho UBND các xã, phường, Trạm Y tế để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.

b) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, phối hợp với Trạm Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, xử lý ca bệnh đơn lẻ, ổ dịch SXHD kịp thời, đúng quy

trình; giám sát, đánh giá hiệu quả xử lý, điều tra véc tơ trước và sau can thiệp; hướng dẫn sử dụng hóa chất, trang thiết bị, phương pháp phun hóa chất diệt muỗi đúng chỉ định, kỹ thuật, phạm vi và thời gian theo quy định.

c) Hướng dẫn các địa phương tổ chức chiến dịch diệt lăng quăng, bọ gậy theo 03 mức độ nguy cơ; hướng dẫn xác định địa bàn, tần suất, phạm vi triển khai, phương pháp kiểm tra, xử lý dụng cụ chứa nước và đánh giá hiệu quả thực tế. Chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát tại các khu vực có số ca mắc tăng cao, nhiều ổ dịch hoặc chỉ số véc tơ cao; kịp thời đề xuất tăng cường các biện pháp can thiệp khi dịch bệnh diễn biến phức tạp.

d) Tăng cường tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho Trạm Y tế, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên và các lực lượng tham gia phòng, chống dịch; rà soát, đề xuất nhu cầu nhân lực, hóa chất, vật tư, trang thiết bị; chủ động điều phối, hỗ trợ các địa phương theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo Sở Y tế những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

đ) Theo dõi, tổng hợp tình hình dịch bệnh và kết quả triển khai phòng, chống SXHD tại các địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hằng tuần, đột xuất; kịp thời tham mưu Sở Y tế chỉ đạo, kiểm tra, chấn chỉnh các địa phương triển khai chưa hiệu quả.

6. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thành phố

a) Tăng cường phát hiện sớm, chẩn đoán, phân loại, theo dõi và điều trị SXHD theo hướng dẫn của Bộ Y tế; chú trọng nhận diện dấu hiệu cảnh báo, phát hiện sớm trường hợp nặng, tổ chức hội chẩn, chuyển tuyến kịp thời, hạn chế thấp nhất các trường hợp tử vong.

b) Rà soát, chuẩn bị đầy đủ nhân lực, thuốc, dịch truyền, vật tư, trang thiết bị, giường bệnh; chủ động phương án tăng cường thu dung, điều trị khi số bệnh nhân gia tăng; tổ chức phân luồng, phân tuyến, phối hợp hội chẩn, hỗ trợ chuyên môn và chuyển tuyến an toàn, hạn chế quá tải cục bộ.

c) Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm; bảo đảm thông tin ca bệnh SXHD được cập nhật tại Hệ thống (phần mềm) báo cáo bệnh truyền nhiễm để chia sẻ kịp thời với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố và Trạm Y tế để phục vụ giám sát, điều tra, xử lý dịch tại cộng đồng.

d) Tăng cường tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà nhận biết dấu hiệu cảnh báo, tuân thủ điều trị, tái khám đúng hẹn; không tự ý sử dụng thuốc hoặc điều trị tại nhà khi có dấu hiệu bất thường.

7. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng phương án, bố trí nhân lực, phương tiện, trang thiết bị tham gia phòng, chống SXHD; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng bệnh tại cơ quan, đơn vị; phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố, Trạm Y tế và chính quyền địa phương trong giám sát, xử lý dịch, truyền thông và hỗ trợ chuyên môn khi được phân công.

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động báo cáo, đề xuất Sở Y tế giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung trên với tinh thần trách nhiệm cao nhất; ; kịp thời báo cáo, đề xuất, tham mưu (thông qua Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế) xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đảm bảo hiệu quả công tác kiểm soát, phòng, chống dịch SXHD trên địa bàn thành phố; quyết tâm kiểm soát tình hình dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, tính mạng Nhân dân./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND thành phố (báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trương Quang Bình

Phụ lục
TÌNH HÌNH SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG
tính đến ngày 25/10/2026
(đính kèm Công văn số 14763 /SYT-NVY ngày 29 /10/2026 của Sở Y tế)

Ghi chú: Các địa phương được xếp theo thứ tự theo tỷ lệ ca mắc SXH/100.000 người dân từ cao đến thấp

STT	Phường/Xã	Tổng ca mắc SXHD 4 tuần gần nhất	Cộng dồn ca mắc SXHD từ đầu năm	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân 4 tuần gần nhất	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân	Cộng dồn ổ dịch nhỏ từ đầu năm
1	Xã Khâm Đức	13	128	138,65	1.365,19	2
2	Phường Điện Bàn Bắc	112	246	382,45	840,02	15
3	Phường Ngũ Hành Sơn	224	643	201,02	577,02	60
4	Xã Duy Xuyên	80	140	300,41	525,72	11
5	Xã Thạnh Mỹ	8	42	96,28	505,48	6
6	Xã Đồng Dương	5	95	25,98	493,56	2
7	Xã Thăng Bình	72	214	152,73	453,95	12
8	Xã Xuân Phú	68	130	219,98	420,55	9
9	Phường An Khê	167	403	171,99	415,05	40
10	Phường Hải Vân	77	207	141,03	379,14	11
11	Phường Sơn Trà	119	307	143,84	371,07	33
12	Xã Điện Bàn Tây	55	143	140,34	364,89	6
13	Phường Hội An Tây	76	130	185,57	317,42	6
14	Xã Thu Bồn	21	92	70,52	308,93	2
15	Xã Hòa Vang	17	67	75,76	298,59	6
16	Xã Hòa Tiến	49	113	126,55	291,83	16
17	Xã Bến Giằng	6	22	77,76	285,12	3
18	Phường An Hải	94	275	95,99	280,82	34
19	Phường Điện Bàn Đông	106	208	142,92	280,45	16
20	Phường Điện Bàn	52	101	141,02	273,9	6
21	Xã Duy Nghĩa	46	67	173,37	252,52	6
22	Phường Liên Chiểu	84	206	102,29	250,84	14
23	Phường Cẩm Lệ	65	198	75,29	229,34	25
24	Xã Bà Nà	19	49	88,06	227,09	5
25	Phường Hòa Cường	59	201	65,01	221,49	7

STT	Phường/Xã	Tổng ca mắc SXHD 4 tuần gần nhất	Cộng dồn ca mắc SXHD từ đầu năm	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân 4 tuần gần nhất	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân	Cộng dồn ổ dịch nhỏ từ đầu năm
26	Phường An Thắng	23	65	73,51	207,73	3
27	Phường Bàn Thạch	21	47	85,75	191,92	3
28	Xã Hiệp Đức	5	24	39,21	188,22	1
29	Phường Hòa Xuân	79	165	90,07	188,11	14
30	Phường Hội An	27	57	86,09	181,74	4
31	Phường Hòa Khánh	78	228	59,52	174,00	13
32	Xã Trà Leng	3	10	50,42	168,07	0
33	Xã Tây Hồ	21	48	72,68	166,13	2
34	Phường Hải Châu	54	174	49,95	160,95	9
35	Xã Đại Lộc	35	83	65,24	154,71	9
36	Phường Thanh Khê	73	275	40,01	150,74	18
37	Xã Thăng Phú	4	19	31,7	150,58	1
38	Xã Nam Phước	32	71	66,22	146,92	5
39	Xã Thăng Trường	18	32	81,07	144,13	4
40	Xã Thạnh Bình	9	26	45,54	131,55	1
41	Xã Thăng An	10	52	23,69	123,21	0
42	Xã Chiên Đàn	24	34	85,35	120,91	2
43	Phường Hội An Đông	22	34	75,45	116,6	2
44	Xã Tam Anh	6	30	23,26	116,29	2
45	Xã Phú Thuận	5	25	22,41	112,06	1
46	Xã Quế Sơn	9	28	34,11	106,1	2
47	Xã Hà Nha	6	30	19,6	97,99	1
48	Xã Thăng Điền	8	34	22,89	97,28	1
49	Xã Phước Năng	1	6	15,36	92,15	0
50	Xã Lãnh Ngọc	6	11	49,37	90,51	0
51	Xã Núi Thành	20	52	33,61	87,38	1
52	Phường Tam Kỳ	4	27	12,25	82,7	4
53	Xã Vu Gia	7	18	31,77	81,7	1
54	Xã Gò Nổi	6	19	24,09	76,3	0
55	Xã Tam Mỹ	4	11	25,91	71,24	0
56	Xã Tiên Phước	6	16	26,46	70,57	1
57	Xã Trà My	6	12	34,74	69,49	2
58	Xã Trà Liên	3	4	51,91	69,22	0
59	Xã Việt An	2	13	10,17	66,12	0
60	Xã Sơn Cẩm Hà	4	9	29,02	65,29	0

STT	Phường/Xã	Tổng ca mắc SXHD 4 tuần gần nhất	Cộng dồn ca mắc SXHD từ đầu năm	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân 4 tuần gần nhất	Tỷ lệ ca mắc SXH/ 100.000 người dân	Cộng dồn ổ dịch nhỏ từ đầu năm
61	Phường Quảng Phú	3	25	7,72	64,34	2
62	Xã Tam Xuân	8	21	21,8	57,24	1
63	Xã Tam Hải	0	4	0	57,19	0
64	Xã Trà Tân	1	3	18,27	54,82	0
65	Xã Trà Đốc	2	5	21,63	54,08	0
66	Xã Thượng Đức	7	9	39,96	51,38	1
67	Xã Nông Sơn	3	8	17,58	46,87	0
68	Xã Quế Sơn Trung	5	12	19,05	45,72	0
69	Xã Tây Giang	4	4	44,3	44,3	0
70	Phường Hương Trà	3	12	9,66	38,63	0
71	Xã Nam Trà My	0	3	0	37,61	0
72	Xã Đức Phú	0	3	0	36,29	0
73	Xã Phú Ninh	4	8	17,32	34,64	0
74	Xã Phước Hiệp	1	1	24,36	24,36	0
75	Xã Avương	0	1	0	20,06	0
76	Xã Trà Giáp	0	1	0	18,85	0
77	Xã Trà Tập	1	1	13,48	13,48	0
78	Xã Quế Phước	0	1	0	9,68	0
79	Xã Trà Vân	0	0	0	0	0
80	Xã Trà Linh	0	0	0	0	0
81	Xã Tân Hiệp	0	0	0	0	0
82	Xã Nam Giang	0	0	0	0	0
83	Xã Đắc Pring	0	0	0	0	0
84	Xã La Dêê	0	0	0	0	0
85	Xã La Êê	0	0	0	0	0
86	Xã Sông Vàng	0	0	0	0	0
87	Xã Sông Kôn	0	0	0	0	0
88	Xã Đông Giang	0	0	0	0	0
89	Xã Bến Hiên	0	0	0	0	0
90	Xã Hùng Sơn	0	0	0	0	0
91	Xã Phước Trà	0	0	0	0	0
92	Xã Phước Chánh	0	0	0	0	0
93	Xã Phước Thành	0	0	0	0	0
	Toàn thành phố	**2377**	**6.338**	**77,55**	**206,78**	**464**